

BÁO CÁO

Kết quả tổng hợp trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri sau Kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026

Sau đợt tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 10 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2022) HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021, Thường trực HĐND tỉnh đã chuyển đến Ủy ban nhân dân tỉnh 85 kiến nghị tại Báo cáo số 02/BC-HĐND ngày 19/01/2023. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành xem xét, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền tại Công văn số 405/VPUB-KTTH ngày 09/02/2023.

Ngày 14/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành công văn số 898/UBND-KTTH trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 10, nội dung được các Sở, ngành xem xét, giải quyết, trả lời 85/85 kiến nghị¹ đạt tỷ lệ 100%, lĩnh vực được cử tri quan tâm nhiều nhất đó là lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, giao thông, thủy lợi 38 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 45%).

Qua đó, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ban hành công văn số 167/VP-CTHĐND ngày 17/5/2023 về việc rà soát chất lượng nội dung trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri và mời lãnh đạo các Sở, ngành tham dự tiếp xúc cử tri (nếu có).

Qua tổng hợp ý kiến từ các tổ đại biểu nội dung trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri chất lượng được đảm bảo, các đại biểu thống nhất, không mời Sở, ngành cùng tham dự. Trên đây là báo cáo kết quả trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri sau Kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2021-2026 của Thường trực HĐND tỉnh (Đính kèm bảng tổng hợp theo lĩnh vực chung cả tỉnh và tổng hợp theo tổ gửi đến Tổ đại biểu)./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Minh Lực

¹ Lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn 03 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 4%); Lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, giao thông, thủy lợi 38 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 45%); Lĩnh vực đất đai, bồi thường, tài nguyên, môi trường 6 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 7%); Lĩnh vực y tế, bảo hiểm, an toàn vệ sinh thực phẩm 12 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 14%); Lĩnh vực lao động, việc làm và chế độ chính sách, an sinh xã hội 8 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 9%); Lĩnh vực điện sản xuất, thấp sáng, nước sinh hoạt 4 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 5%); Lĩnh vực giáo dục, văn hóa 8 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 9%); Lĩnh vực khác 6 kiến nghị (chiếm tỷ lệ 7%).